

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-PT

Ngày 12 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thảo

Ông Nguyễn Đức Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 82/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Mai Văn T1 do có kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Mai Văn T1, sinh năm 2000, tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Xóm ..., xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L (đã chết) và bà Trần Thị X; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Xóm ..., xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Người làm chứng có liên quan đến kháng cáo:

+ Ông Phạm Đức M, sinh năm 1960; nơi cư trú: Xóm ..., xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Anh Lương Văn T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm ..., xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Ngô Thị L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc

Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; 01 người làm chứng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Mai Văn T1 và gia đình ông Nguyễn Văn V1 là hàng xóm liền kề nhau có mâu thuẫn với nhau trong việc tranh chấp đất đai từ nhiều năm nay. Trên phần đất ngõ đi vào nhà mình ông V1 trồng hàng cây sanh vào khoảng năm 2000 hàng cây sanh trên liền kề với ao của gia đình Mai Văn T1 đang sử dụng cả diện tích đất ngõ vào ao của hai gia đình nằm trên thửa đất số 98 đang xảy ra tranh chấp. Với lý do là hàng cây sanh trồng trên ngõ vào nhà ông V1 làm ô nhiễm nguồn nước ao của gia đình T1 đang sử dụng khoảng 08 giờ ngày 10/7/2020, T1 thuê ông Phạm Đức M và anh Lương Văn T2 sử dụng máy cưa cầm tay, dao rựa để cưa, chặt cây sanh còn anh T2 sẽ dọn dẹp các cành cây bỏ gọn vào một chỗ. Khi nhóm của T1 cưa được khoảng 1 đến 2 cành của cây đầu tiên theo hướng từ đầu ngõ giáp đường đê sông Đáy vào nhà ông V1 thì ông V1 đi từ trong nhà ra. T1 nói với ông V1 việc cưa, chặt cây sanh ngã xuống ao để tránh ô nhiễm thì ông V1 không đồng ý mà chỉ cho chặt một số cành nhỏ ngã ra ao, riêng thân cây không được cưa sát gốc phải cưa cách gốc khoảng 03 đến 04 mét và ông còn trực tiếp chỉ vị trí được chặt sau đó đi về nhà. Khi ông V1 về nhà thì T1 lại chỉ đạo ông M cưa sát gốc các cây sanh, ông M làm theo. Ông M và T1 cưa chặt xong cây thứ nhất đang cưa cây thứ hai thì ông V1 đi ra thấy vậy ông V1 yêu cầu T1 dừng việc cưa cây lại nhưng T1 vẫn tiếp tục cưa. Ông V1 đã gọi điện báo chính quyền và Công an xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình đến giải quyết. Khi T1 và ông M cưa được 04 cây đang cưa cây thứ 5 thì ông Trần Văn V2 là xóm trưởng đến yêu cầu T1 dừng việc cưa, chặt cây lại nhưng T1 không dừng lại mà tiếp tục cưa những cây tiếp theo. Khi công an xã T đến T1 mới dừng lại lúc này đã có 07 cây sanh bị cưa sát gốc.

Sau khi sự việc xảy ra Công an xã T đã đến hiện trường, tiếp nhận nội dung đề giải quyết vụ việc trên. Đến ngày 30/7/2020, Công an xã T đã chuyển hồ sơ lên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Tạm giữ 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu ERGEN GS -946 màu cam - đen của ông Phạm Đức M còn 01 chiếc dao rựa không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/HĐ-ĐG ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Tài sản thiệt hại là 07 cây sanh có giá trị là 630.000 đồng*”.

Sau khi được thông báo kết luận định giá số 49/HĐ-ĐG ngày 28/10/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K, tỉnh Ninh Bình ông Nguyễn Văn V1 không đồng ý với kết luận định giá trên đã có đơn đề nghị định giá lại thiệt hại đối với 07 cây sanh của gia đình ông.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Tài sản thiệt hại là 07 cây sanh có giá trị là 19.000.000 đồng*”.

Ngày 04/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Sơn, Văn phòng đăng ký đất đai huyện K và Ủy ban nhân dân xã T, huyện K tiến hành đo đạc, khảo sát để xác định 07 cây sanh bị thiệt hại nằm trên thửa đất nào?. Kết quả như sau: Trong 07 cây sanh bị thiệt hại được tính từ bờ đê vào thì cây số 1, 2 được trồng trên đất lưu không đê sông Đáy; các cây số 3, 4, 5, 6, 7 được trồng trên thửa đất số 98, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã T năm 2007.

Tại biên bản làm việc ngày 05/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình xác định: Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã T năm 2007 có chủ sử dụng đất là “Tư nhân”, thửa đất trên thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình hiện bà Trần Thị X và ông Nguyễn Văn V1 là người đang sử dụng diện tích đất trên.

Tại công văn số 62/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 04/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Ninh Bình thì “Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 98 mang tên tư nhân với diện tích 105,1m² đất nuôi trồng thủy sản, tờ bản đồ số 3 và các thửa giáp ranh, đất lưu không đường đê”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã xét xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”, xử phạt bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ

tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Mai Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Mai Văn T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 19.000.000 đồng, được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001259 ngày 20/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 14.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn V1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021 bị hại ông Nguyễn Văn V1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết những vấn đề sau: Lý do Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tước bỏ quyền được trợ giúp pháp lý của ông; đề nghị làm rõ sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo T1 và xem xét xử lý bị cáo thêm tội “Vu khống” được quy định tại Điều 156 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung và khởi tố đối với ông Phạm Đức M, ông Lương Văn T2 là đồng phạm trong vụ án; đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại do tài sản bị hủy hoại với số tiền là 39.000.000 đồng.

Tại biên bản về việc kháng cáo ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình và bị hại ông Nguyễn Văn V1, ông V1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết những vấn đề sau: Tăng mức hình phạt đối với bị cáo T1 và xem xét xử lý bị cáo T1 về tội “Vu khống” được quy định tại Điều 156 Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; tăng mức bồi thường thiệt hại do tài sản bị hủy hoại với số tiền là 39.000.000 đồng và xem xét khởi tố đối với ông Phạm Đức M, anh Lương Văn T2 là đồng phạm trong vụ án.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Văn V1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn T1 không nhất trí với đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1 với lý do bản án sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo mức

hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phạm tội “Vu khống” theo quy định tại Điều 156 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội không thuộc các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chấp nhận mức bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn V1 với số tiền 19.000.000 đồng theo kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn T1: Tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1 do bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nhưng hành vi phạm tội của bị cáo không có đồng phạm và không có tổ chức; không cố tình thực hiện tội phạm đến cùng; không dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội, không thuộc các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Mai Văn T1 về tội “Hủy hoại tài sản” với mức hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ là đúng người, đúng tội do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1 và giữ nguyên các quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 468; 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn T1 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Hủy hoại tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Mai Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Mai Văn T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 19.000.000 đồng được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng đã nộp, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 14.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn V1.

Bị hại ông Nguyễn Văn V1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 11/10/2021 bị hại ông Nguyễn Văn V1 có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V1 là hợp lệ, làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; vật chứng thu giữ; biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với bản kết luận định giá tài sản số 03/2020/KL-ĐGTS ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng tỉnh Ninh Bình; bản ảnh chụp hiện trường; các biên bản làm việc; công văn trả lời của các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ ngày 10/7/2020 tại xóm .., xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Mai Văn T1 đã thuê ông Phạm Đức M và anh Lương Văn T2, đã chỉ đạo ông M, anh T2 trực tiếp sử dụng máy cưa cầm tay, dao rựa chặt hạ sát gốc làm thiệt hại 07 cây sanh của ông Nguyễn Văn V1 có giá trị 19.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Mai Văn T1 đã bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng mức hình phạt và áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm a, e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1; đề nghị xem xét khởi tố đối với ông Phạm Đức M, anh Lương Văn T2 là đồng phạm trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn trong việc

tranh chấp đất đai và việc bị cáo cho rằng ông V1 trồng cây đã làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của gia đình bị cáo dẫn đến việc bị cáo đã thuê người dùng cưa, chặt hạ sát gốc 07 cây sanh của ông Nguyễn Văn V1. Trong quá trình cưa, chặt cây sanh nhà ông V1 có ông M và anh T2 cùng thực hiện, nhưng ông M và anh T2 là người được bị cáo T1 thuê đến cưa, chặt và dọn dẹp cây sanh, họ không biết mâu thuẫn giữa gia đình bị cáo với ông V1 và không biết cây sanh đó được trồng trên đất của ai. Ông M và anh T2 làm mọi việc theo chỉ đạo của bị cáo T1 được trả công, không có sự bàn bạc từ trước về việc thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy việc làm của ông M và anh T2 không đồng phạm với bị cáo T1 theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo không *phạm tội có tổ chức (điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự)*. Bị cáo Mai Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo dùng cưa cầm tay, dao rựa để cưa, chặt cây của nhà ông V1 đã bị xét xử về tội hủy hoại tài sản, cho nên hành vi trên không phải là *cố tình thực hiện tội phạm đến cùng và dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội (các điểm e, n khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự)* như kháng cáo của người bị hại. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo; mẹ bị cáo bị cáo bị suy thận nặng đang phải chạy thận nhân tạo; bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo đã áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo với mức án 12 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, đúng pháp luật, không nhẹ, do đó kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông V1 đề nghị xử bị cáo thêm về tội “Vu khống” theo quy định tại Điều 156 Bộ luật Hình sự, do bị cáo T1 cho rằng ông V1 đổ rác thải, thuốc bảo vệ thực vật... gây ô nhiễm nước ao, nhưng quá trình điều tra đã xác định không có nội dung này ngoài lý do trên ông V1 không đưa ra được căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường thiệt hại do tài sản bị hủy hoại với số tiền là 39.000.000 đồng với lý do trước đó ông V1 đã bán 03 cây sanh cho anh Vũ Văn Đ với giá 27.000.000 đồng, có hợp đồng mua cây giữa hai

bên, các cây còn lại giá trị thấp hơn nên ông tính bình quân 3.000.000 đồng/cây, tổng số tiền thiệt hại là 39.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của anh Vũ Văn Đ xác định anh mua 03 cây sanh của ông V1 với giá 27.000.000 đồng theo sở thích cá nhân, không căn cứ vào giá trị thực tế cũng như giá mua bán thực tế cây cảnh, cây bóng mát trên thị trường. Bên cạnh đó 07 cây sanh của ông V1 được trồng và phát triển tự nhiên nên khó có cơ sở đánh giá về giá trị kinh tế do vậy giá trị thực tế của 07 cây sanh cần căn cứ vào kết luận định giá của cơ quan định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Tài sản thiệt hại là 07 cây sanh có giá trị là 19.000.000 đồng*”. Cơ sở để Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận giá trị của 07 cây sanh trên căn cứ vào Biên bản làm việc tại hiện trường; phiếu khảo sát giá thị trường và xin ý kiến các chuyên gia của Hội sinh vật cảnh tỉnh Ninh Bình về lĩnh vực cây cảnh, cây bóng mát cùng với việc khảo sát mua bán cây cảnh, cây bóng mát thực tế trên thị trường. Trong quá trình xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn V1 không đồng ý với kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình và yêu cầu định giá tài sản lại. Tại công văn số 415/HĐĐG-TS ngày 04/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình xác định giữ nguyên quyết định tài sản thiệt hại là 07 cây sanh có giá trị là 19.000.000 đồng và chưa đủ điều kiện để thành lập Hội đồng định giá tài sản lần 2. Như vậy kết luận định giá tài sản số 03/HĐ-ĐG ngày 21/12/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Ninh Bình là có căn cứ, đúng pháp luật không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 39.000.000 đồng đối với 07 cây sanh. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1, cần giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 82/2021/HS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

[4] Về án phí: Đơn kháng cáo của bị hại không được chấp nhận, nhưng ông Nguyễn Văn V1 đã 60 tuổi là người cao tuổi theo Pháp lệnh người cao tuổi nên ông V1 được miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Văn V1; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2021/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn T1** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Hủy hoại tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Mai Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Mai Văn T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn T1 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 19.000.000 đồng được trừ đi số tiền 5.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001259 ngày 20/9/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn V1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí: Miễn nộp án phí hình sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn V1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/01/2022./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND cấp cao tại Hà Nội (1 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản);
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (1 bản);
 - TAND huyện K (4 bản);
 - VKSND huyện K (1 bản);
 - CA huyện K (1 bản);
 - Chi cục THADS huyện K (1 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản);
 - Bị cáo (1 bản);
 - Bị hại (1 bản);
 - Người bào chữa (1 bản);
 - Người làm chứng (2 bản);
 - Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản);
 - Lưu hồ sơ (2 bản); Lưu tòa và Tổ HCTP (2 bản).
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Văn Thịnh